

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 08/11/2018.  
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Lê

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Hoa
2. Ông Trần Văn Trân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Ái Vy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Tấn Hưng - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 254/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phan Thị Thùy T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Bùi Tuấn H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Thùy T trình bày: Bà T và ông Bùi Tuấn H tự nguyện kết hôn vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Quá trình chung sống, giữa bà T và ông H không có hạnh phúc, mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên xảy ra, do ông H không có trách nhiệm với vợ con, không có sự tôn trọng, nhiều lần xúc phạm bà T, mỗi lần cãi vã là ông H hay đánh đập bà T, làm cho cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, mệt mỏi. Do hai bên không tìm được hướng đi chung, khoảng cách tình cảm ngày càng lớn, không hàn gắn được và không thể tiếp tục duy trì cuộc chung sống chung giữa hai bên nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H. Về con chung: Có 01 con chung tên là Bùi Tấn Đ, sinh năm 2017, bà T có nguyện vọng

được nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Bà T định không có.

Bị đơn ông Bùi Tuấn H tại phiên tòa trình bày: Ông H cũng thống nhất như ý kiến của bà T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông H thừa nhận, giữa ông và bà T có những mâu thuẫn, cãi vã do ông H đi chơi nhậu nhẹt với bạn bè về muộn và có việc đánh bà T hai đến ba lần. Nay, bà T yêu cầu ly hôn, ông H cũng đồng ý. Về con chung: Ông H cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Bùi Tấn Đ, sinh năm 2017 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H thống nhất như ý kiến trình bày của bà T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D cho rằng Tòa án nhân dân huyện D đã tuân thủ, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thùy T và ông Bùi Tuấn H tự nguyện kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông H là hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà T và ông H đều xác định quá trình chung sống, giữa bà T và ông H có việc cãi vã, xung đột, làm cuộc sống chung luôn căng thẳng, không có hạnh phúc, cả hai đều xác định không thể hàn gắn, tiếp tục chung sống nên đều thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của bà T và ông H là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông H.

[2] Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung là cháu Bùi Tấn Đ, sinh ngày 07/1/2017. Tại Tòa, bà T và ông H đều có nguyện vọng được nuôi cháu Đ và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu Đ đang dưới 36 tháng tuổi, hiện bà T có chỗ ở, công việc thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét nên giao cháu Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình nuôi con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà T và ông H có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà T và ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà T và ông H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị Thùy T và ông Bùi Tuấn H.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Tấn Đ, sinh ngày 07/1/2017 cho bà Phan Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; ông Bùi Tuấn H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở.

Quá trình nuôi con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà T và ông H có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Phan Thị Thùy T nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018866 ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

### **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

#### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
  - VKSND tỉnh Khánh Hòa;
  - VKSND huyện D;
  - Chi cục THA dân sự huyện D;
  - UBND xã T
- (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
  - Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Ngọc Lệ**

**Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- TAND tỉnh Khánh Hòa; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Ngọc Lệ**

**Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- TAND tỉnh Khánh Hòa; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**Nguyễn Thị Ngọc Lệ**

